

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: **23/2026/KDTM-ST**
Ngày 30/3/2026

V/v “*Tranh chấp về yêu cầu thanh toán
tiền theo hợp đồng kinh tế*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Phương

2. Ông Tạ Duy Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Hà Nội tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Huyền Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 103/2025/TLST-KDTM ngày 17/11/2025 về việc “*Tranh chấp về yêu cầu thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **223/2026/QĐST-KDTM ngày 04/3/2026** và Quyết định hoãn phiên tòa số 286/2026/QĐST- KDTM ngày 18/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ1.

Địa chỉ cũ: Số D N, Phường B, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ mới: 386-388 T, phường C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Đỗ Hoàng P-Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Cảnh Bảo T-Phó giám đốc

Nơi ở: 3 T, phường C, Hồ Chí Minh. CCCD: 046085002047 do Cục trưởng CCS QLHC về TTXH cấp ngày 19/4/2022.

(Theo giấy uỷ quyền số: 0412/UQ- PHSG ngày 05/12/2025).

Bị đơn: Tổng công ty X-Công ty CP.

Trụ sở: Số F đường L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Ngọc Đ- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Nha T1 – Chuyên viên phòng Pháp chế. CCCD: 015188000144 cấp ngày 29/4/2021.

(Giấy uỷ quyền số 449/UQ-TCT ngày 31/12/2025).

(Nguyên đơn và Bị **đơn vắng mặt**)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện **ngày 25 tháng 01 năm 2024**, đơn khởi kiện **bổ sung ngày 19 tháng 12 năm 2025** của nguyên đơn là Công ty TNHH Đ1 và các bản tự khai trong

quá trình giải quyết vụ án, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/3/2026 người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Lê Cảnh Bảo Ttrình bày:

Ngày 05/10/2018, Công ty TNHH Đ1 và Xí nghiệp cầu A- C1- Chi nhánh Tổng Công ty X-Công ty Cổ phần (Xí nghiệp cầu A là đơn vị phụ thuộc, hoạt động theo uỷ quyền của C1 (sau đây gọi là “Xí nghiệp cầu A”) đã ký Hợp đồng kinh tế số 0510/HĐKT-2018/HT-PH về việc cho thuê một xe cầu bánh xích 50 tấn (hiệu SUMTOMO LS118) nhằm mục đích sử dụng cầu phục vụ cho dự án: Công trình huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hai bên chốt công nợ phải thanh toán là: 178.000.000 đồng, chi tiết như sau:

Hoá đơn số 0000413 ngày 19/11/2018: 112.000.000 đồng.

Hoá đơn số 0000420 ngày 26/11/2018: 66.000.000 đồng.

Ngày 08/10/2018 Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 17/5/2019, Xí nghiệp cầu A đã có công văn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 118.000.000 đồng và đề xuất phương án và lộ trình trả nợ: trong tháng 6/2019 trả: 50.000.000 đồng. Trong tháng 7/2019 trả 68.000.000 đồng.

Tuy nhiên từ đó đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên.

Nay Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1- Hà Nội giải quyết:

Buộc Tổng công ty X-Công ty CP phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ1 số tiền gốc: 118.000.000 đồng.

Lãi chậm thanh toán: Xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng theo Điều 306 Luật thương mại.

Thời gian chậm thanh toán tạm tính từ tháng **7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2026.**

Nguyên đơn đề nghị Toà án không hoà giải vụ án và xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là Tổng công ty X-Công ty CP do bà Nguyễn Thị Nha T1 đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Tổng công ty X-Công ty CP đã được sao chụp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hiện C1 có sự thay đổi về Lãnh đạo nên chưa hợp để thống nhất được phương án giải quyết.

Ngày 05/10/2018, Xí nghiệp cầu A- C1- Chi nhánh Tổng Công ty X-Công ty Cổ phần (Xí nghiệp cầu A là đơn vị phụ thuộc, hoạt động theo uỷ quyền của C1 (sau đây gọi là “Xí nghiệp cầu A”) và Công ty TNHH Đ1 ký Hợp đồng kinh tế số 0510/HĐKT-2018/HT-PH về việc cho thuê một xe cầu bánh xích 50 tấn (hiệu SUMTOMO LS118) nhằm mục đích sử dụng cầu phục vụ cho dự án: Công trình huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hai bên chốt công nợ phải thanh toán là: 178.000.000 đồng, chi tiết như sau:

Hoá đơn số 0000413 ngày 19/11/2018: 112.000.000 đồng.

Hoá đơn số 0000420 ngày 26/11/2018: 66.000.000 đồng.

Ngày 08/10/2018 C1 đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 17/5/2019, Xí nghiệp cầu A đã có công văn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 118.000.000 đồng và đề xuất phương án và lộ trình trả nợ: trong tháng 6/2019 trả: 50.000.000 đồng. Trong tháng 7/2019 trả 68.000.000 đồng.

Tuy nhiên từ đó đến nay C1 chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên.

Nay C1 xác nhận còn nợ Công ty TNHH Đ1 số tiền gốc 118.000.000 đồng. C1 xin giảm $\frac{1}{2}$ số nợ gốc và xin miễn toàn bộ lãi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị tính lãi từ tháng 7 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2026), theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng kinh tế được các bên tự nguyện ký kết, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành. Hai bên đã chốt công nợ, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán gốc và lãi chậm thanh toán là có căn cứ. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về việc vắng mặt đương sự:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. *Về nội dung:*

Công ty TNHH Đ1 (sau đây là gọi là nguyên đơn) khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty X- Công ty CP (sau đây gọi là bị đơn) trả nợ số tiền gốc 118.000.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 0510/HĐKT-2018/HT-PH ngày 05/10/2018 và lãi chậm trả.

Xét thấy, ngày 05/10/2018 Nguyên đơn và Bị đơn ký Hợp đồng kinh tế số 0510/HĐKT-2018/HT-PH về việc cho thuê một xe cầu bánh xích 50 tấn (hiệu SUMTOMO LS118) nhằm mục đích sử dụng cầu phục vụ cho dự án: Công trình huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hai bên đã chốt công nợ, theo đó Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn: 118.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Bị đơn xác nhận còn nợ gốc 118.000.000 đồng và xin được miễn $\frac{1}{2}$ số nợ gốc. Tuy nhiên, Nguyên đơn không đồng ý.

Do đó, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 118.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ 7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất áp dụng theo Điều 306 Luật thương mại.

Xét thấy theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương

mai (Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần C2, Ngân hàng N1).

Lãi suất áp dụng là lãi suất cho vay ngắn hạn của ba Ngân hàng nêu trên tương ứng là 6,6%/năm; 9,5%/năm; 6,0%/năm. **Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay:**
 $(6,6\% + 9,5\% + 6,0\%) \times 150\% : 3 = 11,05\%/năm$.

Bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền lãi từ 7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/3/2026 là: 80 tháng.

$118.000.000 \text{ đồng} \times 11,05\% / \text{năm} \times 80 \text{ tháng} = 86.926.667 \text{ đồng}$.

Tổng cộng Bị đơn phải trả Nguyên đơn 204.926.667 đồng. Trong đó:

Gốc: 118.000.000 đồng

Lãi chậm trả: 86.926.667 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

[3]. Lời phát biểu của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí, được nhận lại tạm ứng án phí 5.694.000 đồng theo biên lai số 0032088 ngày 30/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 204.926.667 đồng nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.246.333 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên **đơn và bị đơn vắng mặt** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 306 của Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ1 đối với Tổng Công ty X-Công ty CP về tranh chấp về yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng kinh tế.

Tổng Công ty X-Công ty CP phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ1 số tiền:

Nợ gốc: 118.000.000 đồng.

Lãi chậm trả: 86.926.667 đồng.

Kể từ ngày từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Công ty TNHH Đ1 không phải chịu án phí, được nhận lại tạm ứng án phí 5.694.000đồng theo biên lai số 0032088 ngày 30/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty X- Công ty CP phải chịu án phí là 10.246.333 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3, Về quyền kháng cáo: **Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.**

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực I- HN;
- Chi cục THA DS Khu vực I-HN;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đồng Thị Lai